

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2017 /DS-ST  
Ngày 01 tháng 8 năm 2017  
V/V: "Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hảo

***Các hội thẩm nhân dân:*** 1, Bà Nguyễn Thị Vượng;  
2, Bà Phạm Thị Thư.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn:** Chị Vũ Tuyết L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà A, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

**+ Đồng bị đơn:**

1. Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1981

2. Chị Phan Thị D, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: A1, ngách B2, ngõ C, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Anh V vắng mặt, chị D có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Tuyết L trình bày: Do quen biết vợ chồng anh Nguyễn Đức V, chị Phan Thị D nên ngày 19/8/2014 chị có cho vợ chồng anh V, chị D vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm lăm

mười triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 19/4/2015 và thỏa thuận sau ngày 19/4/2015 nếu vợ chồng anh V, chị D không trả được nợ thì sẽ phải trả lãi theo lãi suất của Ngân hàng. Còn trước đó từ ngày vay 19/8/2014 đến ngày 19/4/2015, các bên thỏa thuận miệng lãi suất 2.000đồng/1 triệu/01 ngày. Ngày 19/4/2015, đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng anh V, chị D không trả số tiền 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng) cho chị, chị đã gọi điện, nhắn tin thông báo đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh V, chị D vẫn cố tình không gặp và không trả tiền cho chị, làm cho chị rất khó khăn trong cuộc sống. Từ ngày vay đến nay, vợ chồng anh V, chị D trả cho chị được 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền lãi, trả vào thời điểm tháng 5/2017 sau khi chị đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Ngoài ra vợ chồng anh V, chị D chưa trả thêm được cho chị đồng tiền gốc, tiền lãi nào khác.

Số tiền 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng) chị cho vợ chồng anh V, chị D vay là tiền của cá nhân chị, chị tự đi vay của người khác cho vợ chồng anh V, chị D vay lại. Chồng chị không biết, không liên quan gì đến số tiền này.

Tại phiên tòa chị D có xuất trình tài liệu ghi các mã chị D trả tiền cho chị, chị không đồng ý việc chị D đã trả tiền cho chị vì khi vay tiền giữa chị và chị D viết một giấy vay tiền duy nhất, chị là người giữ giấy, còn khi chị D, anh V trả tiền cho chị, chị có viết giấy nhận tiền, giấy này chị D, anh V giữ.

Chị D trình bày số tiền 250.000.000 đồng chị cho anh V chị D vay là tiền gốc và tiền lãi của số tiền 76.000.000 đồng mà chị cho vợ chồng chị D, anh V vay năm 2009 là không đúng, chị có cho chị D và anh V vay tiền nhiều lần, những lần trước chị D, anh V đã trả xong cho chị. Ngày 19/8/2014 anh V, chị D có vay của chị 250.000.000 đồng, khi vay anh V, chị D có nói là để mua đất, làm nhà.

Nay chị yêu cầu vợ chồng anh V, chị D phải trả chị toàn bộ số tiền nợ gốc 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng) và tiền lãi của số tiền 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng) kể từ ngày 20/4/2015 đến khi xét xử vụ án, theo đúng lãi suất quy định pháp luật tại thời điểm cho vay. Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) anh V, chị D đã trả cho chị, chị trừ vào tiền lãi.

+ Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo bị đơn là anh Nguyễn Đức V trình bày: Anh thừa nhận ngày 19/8/2014 vợ chồng anh có vay của chị Vũ Tuyết L số tiền 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng chẵn), thời hạn vay đến ngày 19/4/2015, lãi suất các bên thỏa thuận là sau ngày 19/4/2015 vợ chồng anh không trả được nợ sẽ tính theo lãi suất cơ bản của nhà nước quy định. Sau khi vay tiền chị L, vợ

chồng anh đã trả được cho chị L một số tiền. Anh sẽ nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho Tòa án về việc trả tiền này.

Đối với số tiền còn nợ chị L, vợ chồng anh vẫn đang tích cực tìm cách trả nợ. Còn tiền lãi theo thoả thuận trong giấy vay tiền, anh đề nghị chị L cho vợ chồng anh không phải trả vì kinh tế gia đình anh khó khăn, vợ anh không có việc làm, các con anh còn nhỏ, kinh tế gia đình một mình anh đứng ra lo toan. Số tiền nợ gốc anh sẽ trả dần cho chị L theo phương án trả vào ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng từ 3 đến 5 triệu đồng, trả từ tháng 6 năm 2017 đến hết khoản nợ vay. Anh đề nghị chị L tạo điều kiện cho anh.

+ Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là chị Phan Thị D trình bày: Chị thừa nhận ngày 19/8/2014, vợ chồng chị có vay của chị L số tiền 250.000.000đồng (Hai trăm lăm mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn hẹn ngày 19/4/2015 vợ chồng chị hoàn trả hết số tiền trên cho chị L, nếu không trả được thì tính lãi theo lãi suất ngân hàng bắt đầu từ ngày 19/4/2015. Sau khi vay, vợ chồng chị đã trả cho chị L một số tiền theo từng ngày đã ghi trong sổ theo dõi cá nhân, chị có ghi rõ cả ngày và địa điểm trả tiền cho chị L, chị L có bảo với vợ chồng chị là cứ ghi vào sổ, 02 bên cùng ghi sau này đối chiếu cho khớp với số tiền đã trả.

Đối với số tiền còn nợ chị L, vợ chồng chị vẫn đang cố gắng tìm cách trả nợ. Còn tiền lãi theo thoả thuận trong giấy vay tiền, chị đề nghị chị L cho vợ chồng chị không phải trả vì kinh tế gia đình chị khó khăn, chị chưa có công ăn việc làm, các con chị còn nhỏ, kinh tế gia đình một mình chồng chị phải đứng ra lo toan cuộc sống. Số tiền nợ gốc còn lại, vợ chồng chị sẽ trả dần cho chị L theo phương án trả vào ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng từ 3 đến 5 triệu đồng, trả từ tháng 6 năm 2017 đến hết khoản nợ vay. Chị đề nghị chị L tạo điều kiện cho vợ chồng chị để vợ chồng chị trả lại số tiền đã vay.

Đối với quyển sổ ghi việc vợ chồng chị trả nợ cho chị L mà chị nộp cho Hội đồng xét xử là mỗi lần chị trả nợ cho chị L chị tự viết vào sổ, chị L không ký vào sổ chị đã trả nợ. Khi vợ chồng chị trả tiền cho chị L không có người làm chứng, còn đối với số tiền 3.000.000 đồng vợ chồng chị trả cho chị L, chị L có viết giấy biên nhận. Từ năm 2009, vợ chồng chị có vay tiền của chị L nhiều lần, số tiền 250.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi của số tiền chị vay chị L là 76.000.000 đồng, thời điểm vay năm 2009, chị cũng không có giấy tờ gì. Đến nay vợ chồng chị còn nợ duy nhất chị L số tiền 250.000.000 đồng theo giấy vay tiền vợ chồng chị đã viết ngày 19/8/2014. Từ

khi viết giấy vay, chị L có đòi nợ vợ chồng chị nhiều lần nhưng do hoàn cảnh kinh tế của chị khó khăn, chị không có việc làm nên chưa trả cho chị L. Nay chị L yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi chị không có ý kiến gì.

+ Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không hòa giải được.

+ Ngày 19/7/2017, Tòa án mở phiên tòa, nhưng bị đơn là anh Nguyễn Đức V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay anh V đã được triệu tập họp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Tuyết L, buộc anh V, chị D phải trả cho chị L số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Anh V, chị D phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đức V đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng anh V tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với quy định tại các Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Vũ Tuyết L với anh Nguyễn Đức V và chị Phan Thị D là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Theo như giấy vay tiền ghi ngày 19/8/2014 thể hiện anh V, chị D có vay của chị L số tiền 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng chẵn), thời hạn vay đến ngày 19/4/2015, lãi suất các bên thoả thuận là sau ngày 19/4/2015 vợ chồng anh V, chị D không trả được nợ sẽ tính theo lãi suất Ngân hàng. Đến thời hạn trả nợ, chị L có đòi tiền vay nhiều lần nhưng anh V, chị D không trả nên ngày 19/4/2017, Chị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với yêu cầu của chị Vũ Tuyết L yêu cầu anh Nguyễn Đức V và chị Phan Thị D trả số tiền gốc còn nợ là 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng chẵn) theo giấy vay tiền ngày 19/8/2014 thì thấy: Ngày 19/8/2014 anh Nguyễn Đức V và chị Phan Thị D có viết giấy vay tiền chị Vũ Tuyết L số tiền 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng chẵn). Tại bản tự khai, anh V, chị D cũng đều thừa nhận có vay chị L số tiền 250.000.000đ (Hai trăm五十 triệu đồng chẵn) vào ngày 19/8/2014. Tại phiên tòa chị D cho rằng số tiền 250.000.000 đồng này là cả tiền lãi và tiền gốc của khoản vay 76.000.000 đồng mà chị L cho vợ chồng chị vay từ năm 2009 nhưng chị D không có tài liệu gì chứng minh. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

+ Đối với yêu cầu của chị Vũ Tuyết L yêu cầu anh Nguyễn Đức V, chị Phan Thị D phải trả số tiền lãi kể từ ngày 20/4/2015 đến khi xét xử vụ án theo lãi suất Ngân hàng quy định tại thời điểm cho vay thì thấy: Khi viết giấy vay tiền, hai bên thoả thuận sau ngày 19/4/2015 nếu không trả được tiền gốc thì sẽ tính lãi theo lãi suất Ngân hàng. Còn thời điểm trước đó, kể từ ngày vay 19/8/2014 đến ngày 19/4/2015, chị L không yêu cầu tính lãi. Chị L thừa nhận anh V, chị D đã trả được 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) vào tháng 5/2017 và chị L trừ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) này vào tổng số tiền lãi cho anh V, chị D. Còn anh V, chị D cho rằng đã trả được chị L một số tiền. Tại phiên tòa chị D có xuất trình tài liệu chứng cứ thể hiện đã trả cho chị L được số tiền lãi là 23.500.000 đồng tính từ ngày 14/10/2014 đến ngày 21/8/2014 nhưng chị L không thừa nhận và trong sổ không có chữ ký của chị L đồng thời khi trả tiền không có người chứng kiến, nên không có căn cứ để xem xét. Nay chị L yêu cầu vợ chồng anh V, chị D phải trả số tiền lãi kể từ ngày 20/4/2015 đến khi

xét xử vụ án theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng tại thời điểm vay tiền, do vậy cần áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định để xem xét là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước V Nam, Ngân hàng nhà nước công bố lãi suất cơ bản là 9%/1 năm = 0.75%/tháng = 0.025%/ngày.

Từ 20/4/2015 đến ngày 01/8/2017 (ngày xét xử vụ án) là 02 năm 03 tháng 13 ngày. Tổng số tiền lãi được tính:  $(250.000.000\text{đồng} \times 2 \text{ năm} \times 9\%) + (250.000.000\text{đồng} \times 0.75\% \times 3\text{tháng}) + (250.000.000\text{đồng} \times 0.025\% \times 13\text{ngày}) = 51.437.500 \text{ đồng}$  (Năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trừ số tiền 3.000.000 đồng anh V, chị D đã trả vào tổng số tiền lãi. Do vậy anh V, chị D còn phải trả cho chị L số tiền lãi là:  $51.437.500\text{đồng} - 3.000.000\text{đồng} = 48.437.500\text{đồng}$ .

Về án phí: Yêu cầu của chị Vũ Tuyết L được chấp nhận, do vậy anh V, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227 ; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Buộc anh Nguyễn Đức V và chị Phan Thị D phải trả cho chị Vũ Tuyết L số tiền 298.437.500đ (Hai trăm chín mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), trong đó số tiền gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn), tiền lãi là 48.437.500đ (Bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức V và chị Phan Thị D phải chịu 14.921.875 đồng án phí DSST. Hoàn trả chị Vũ Tuyết L số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06234, ngày 11 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc niêm yết).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thanh Hảo**